越南文

An toàn trong dùng thuốc đối với trẻ nhỏ

Dùng thuốc uống thích hợp cho trẻ nhỏ(適合小兒口服的劑型)

Dao gồm: dạng viên, dạng viên nang, dạng bột dạng lỏng, dạng elixir, dạng siro, dạng hòa tan, dạng vẩn.

Hướng dẫn cho trẻ dùng thuốc（兒童用藥衛教）

1.Trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ:
(1)Hấp thụ ở bụng: Rung động ruột thường chậm đối với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ.
(2)Chuyển hóa gan : Chức năng gan của trẻ sơ sinh chỉ bằng 20-40% người lớn.
(3)Bài tiết thận: Chức năng thận của trẻ sơ sinh chỉ bằng 30%, khoảng 1 tuổi mới có thể ngang bằng người lớn.
(4)Hấp thụ da: Mức độ thẩm thấu da của trẻ sơ sinh rất cao, hấp thụ tương đối tốt các loại thuốc bôi ngoài.
2.Các loại thuốc bột dạng túi bọc tiện lợi cho trẻ?
(1)Những thuốc dạng bột dùng cho người lớn dễ nhiễm bẩn, không ổn định, thời hạn bảo quản ngắn.
(2)Hỗn hợp nhiều loại thuốc ghiền bột dễ bị biến chất hoặc ảnh hưởng lẫn nhau, nên việc chia thành túi không chính xác.
(3)Những trẻ có độ tuổi lớn có thể rèn thói quen nuốt thuốc hoặc uống kèm với ít thứ khác.
3.Điều cần biết khi trẻ dùng thuốc:
(1)Không phải bất cứ thuốc nào cũng đều có thể nghiền bột : bột thuốc dễ bị nhiễm bẩn, không ổn định, thời gian bảo quản ngắn, có thể ảnh hưởng lẫn nhau.
(2)Có thể mời bác sỹ kê thuốc chuyên dùng cho trẻ như;

中文對照說明

小兒用藥安全

適合小兒口服的劑型

包括：錠劑、膠囊、粉劑、液劑、酏劑、糖漿劑、溶液劑、懸浮劑。

兒童用藥衛教

1. 兒童不是縮小型的大人
(1) 胃部吸收：胃腸蠕動在新生兒及幼兒較慢。
(2) 肝臟代謝：新生兒肝臟功能只有大人的 20-40%。
(3) 腎臟排除：新生兒的腎功能約只有大人的 30%，1 歲左右才達到成年人水準。
(4) 皮膚吸收：嬰幼兒皮膚通透性高，對於外用藥品的吸收較好。
2. 磨粉分包的藥 兒童使用比較方便？
(1) 用大人的藥品磨粉易受污染，藥品安定性差，期限較短。
(2) 多種藥品混合研磨容易變質或產生交互作用，分包劑量不精確。
(3) 稍大年紀的兒童可練習吞服或與少量食物併服。
3. 兒童用藥須知

dạng nước, dạng siro, dạng lỏng hoặc dạng vẩn.
(3)Những thuốc dạng bột đóng gói cần dùng hết trong lần uống, để đảm bảo chất lượng của thuốc.

4.Nhắc nhở về cách sử dụng thuốc dạng siro hoặc dạng vẩn :
(1)Bảo quản thuốc dạng siro hoặc thuốc dạng vẩn chưa mở trong nhiệt độ phòng.
(2)Đối với dung dịch vẩn bột khô : trước lần sử dụng đầu tiên cần thêm nước lạnh trộn đều theo hướng dẫn, tiếp đó cần phải lắc đều lại trước mỗi lần sử dụng và khi uống thuốc cần đảm bảo lượng dùng chính xác.
(3)Những thuốc đã mở ra sử dụng cần phải được bảo quản ở trong phòng lạnh hoặc nhiệt độ phòng theo hướng dẫn, chú ý thời hạn sử dụng từng loại.

5.Cách cho trẻ sơ sinh uống thuốc :
(1)Sử dụng ống hút có khắc lượng hoặc bơm tiêm uống thuốc.
(2)Ôm trên đầu gối, đỡ phần đầu.
(3)Mỗi lần chỉ uống lượng thuốc nhỏ để tránh bị nghẹn.
(4)Nhỏ thuốc vào phía sau hoặc bên mép khoang miệng.
(5)Khi cho trẻ uống thuốc cần đồng thời an ủi trẻ.

6.Cách cho trẻ em uống thuốc:
(1)Do trẻ chọn tư thế uống thuốc, để trẻ hiểu rõ về dụng cụ đo.
(2)Khi cần thiết, dùng một ít thức ăn hoặc đồ uống để che mùi, sau khi uống thì uống nước hoặc đồ uống khác để khử mùi.
(3)Sử dụng ngôn ngữ của trẻ hướng dẫn đơn giản hoặc khích lệ trẻ, để trẻ hợp tác.
(4)Khi cần uống nhiều loại thuốc, sẽ cho trẻ chọn lựa thứ tự thuốc uống.

7.Trẻ em nôn thuốc :
Trẻ em nôn thuốc.Nếu sau khi uống thuốc lập tức bị nôn, thì cần phải uống bù thuốc.Thông thường thuốc càng dễ hấp

(1) 並非全部藥品都適合磨粉：藥品磨粉較易受污染，安定性變差，保存期限較短，並可能產生交互作用 。
(2) 可請醫師開立兒童專用藥品，如：液劑、糖漿劑、溶液劑、懸浮劑。
(3) 磨粉分包之藥品應於當次吃完，以確保藥品品質。

4. 糖漿或懸浮液的使用方式小叮嚀
(1) 未開封使用的糖漿或懸浮液室溫保存即可。
(2) 乾粉懸浮液第一次使用前應依照指示加入冷開水混合均勻，每次給藥前需再次搖勻。給藥時應確保劑量正確。
(3) 開封使用之藥品應依照指示冷藏或室溫保存，注意個別之有效期限。

5. 嬰兒給藥方式
(1) 使用有刻度的吸管或口服注射器。
(2) 抱在膝上，支撐頭部。
(3) 一次只給少量藥品以防嗆到。
(4) 藥品滴在口腔的後方或邊緣。
(5) 給藥時要同時安撫嬰兒。

6. 幼兒給藥方式
(1) 由幼兒選擇服藥的姿勢，讓幼兒熟悉量具。
(2) 必要時，用少量食物或飲料掩蓋味道，服藥後喝水或飲料去除味道。
(3) 使用兒語給予簡單的指示或鼓勵，讓他們合作。
(4) 如需服用多種藥品，由幼兒選擇服藥順序。

thụ như dạng siro, dạng lỏng hoặc dạng bột thì sau 10 đến 15 phút không cần phải uống bù thuốc.Những thuốc dạng viên do thời gian phát tán thuốc khác nhau nên có cách giải quyết khác nhau.Nếu thuốc nôn ra vẫn nguyên vẹn thì cần phải uống bù thuốc, nếu không cũng không cần bù thuốc.

7. 兒童吐藥

若吃藥後馬上吐掉，則要補服藥品。通常越容易被吸收的，如：糖漿劑、液劑或已磨粉的，超過 10-15 分，則不必補服。錠劑因藥品崩散時間不一而有不同處理，若吐出來的藥仍完整，則需補服；否則，不需補服。